

KẾ HOẠCH

Tổ chức tiêm vắc xin phòng bệnh cúm mùa cho nhân viên y tế tỉnh Thanh Hóa năm 2020

Căn cứ Quyết định số 5553/QĐ-BYT ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ Y tế về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng vắc xin cúm mùa cho nhân viên y tế tại một số tỉnh/ thành phố và Công văn số 1121/DP-TC ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Cục Y tế dự phòng về việc xây dựng kế hoạch triển khai tiêm vắc xin cúm mùa cho nhân viên y tế.

Sở Y tế Thanh Hóa xây dựng kế hoạch triển khai tiêm vắc xin phòng bệnh cúm mùa cho nhân viên y tế tại Thanh Hóa năm 2020 với các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU

1.1. Mục tiêu chung

Tăng tỷ lệ miễn dịch phòng cúm mùa cho các đối tượng thuộc nhóm có nguy cơ lây nhiễm cao là các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Trên 90% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các Trạm Y tế, Trung tâm Y tế, Bệnh viện đa khoa các huyện, thị xã, thành phố các đơn vị y tế tuyến tỉnh được tiêm chủng vắc xin phòng bệnh cúm mùa.

- Đảm bảo chất lượng và an toàn tiêm chủng.

II. PHƯƠNG THỨC TỔ CHỨC THỰC HIỆN

2.1. Phạm vi và đối tượng tiêm chủng

Tổ chức tiêm chủng trên phạm vi toàn tỉnh cho tất cả các cán bộ y tế đang công tác tại các đơn vị y tế trong tỉnh, bao gồm: cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đang làm việc tại các Trạm Y tế, Trung tâm Y tế, Bệnh viện đa khoa các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị y tế tuyến tỉnh.

Đối tượng tiêm chủng dự kiến là: 13.804 người.

(Phụ lục 1, Đối tượng tiêm chủng, kèm theo)

2.2. Loại vắc xin tiêm chủng

Vắc xin phòng cúm được sử dụng theo Quyết định số 5553/QĐ-BYT ngày 25/11/2019 của Bộ Y tế là vắc xin phòng bệnh cúm mùa IVACFLU-S do Viện vắc xin và sinh phẩm y tế (IVAC) sản xuất:

- IVACFLU-S là vắc xin phòng bệnh cúm mùa, dạng mảnh, bất hoạt bằng formalin, không sử dụng chất bảo quản, thành phần chứa kháng nguyên bề mặt tinh chế vi rút cúm của các chủng: chủng A/H1N1, chủng A/H3N2 và chủng B. Thành phần kháng nguyên của các chủng vi rút theo khuyến cáo của Tổ chức y tế thế giới (WHO) hàng năm cho mùa cúm.

- Thành phần kháng nguyên: Các kháng nguyên bề mặt vi rút cúm bất hoạt bao gồm: 02 chủng Cúm A (H1N1, H3N2) và 01 chủng Cúm B được Tổ chức Y tế (WHO) khuyến cáo năm 2019 - 2020.

2.3. Thời gian và phương thức tổ chức tiêm chủng

2.3.1. Thời gian tiêm chủng:

Từ tháng 9/2020 đến tháng 12/2020, tùy thuộc vào tiến độ cung ứng vắc xin và sự sắp xếp kế hoạch công tác của các đơn vị y tế.

2.3.2. Phương thức tổ chức tiêm chủng:

Tổ chức tiêm chủng làm 3 đợt, mỗi đợt tiêm chủng 10 ngày (kể cả thời gian tiêm vét). Việc tiêm chủng được tổ chức tại các cơ sở y tế do các cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng thực hiện, cụ thể như sau:

* Đợt 1: Các đơn vị y tế tuyến tỉnh:

- Tổ chức các điểm tiêm chủng lưu động để tiêm chủng cho nhân viên y tế tại các đơn vị y tế tuyến tỉnh trên địa bàn thành phố Thanh Hóa. Các điểm tiêm được tổ chức ngay tại các cơ sở y tế hoặc bố trí theo từng cụm đơn vị đảm bảo thuận tiện cho nhân viên y tế đến tiêm chủng;

- Nhân lực thực hiện: Các cán bộ tiêm chủng Trung tâm Kiểm soát bệnh tật và Trung tâm Y tế thành phố Thanh Hóa, nhân viên y tế tại các điểm tổ chức tiêm chủng.

(Phụ lục 2: Bố trí cơ sở tiêm chủng, kèm theo)

* Đợt 2: Phòng y tế, Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố; các xã, phường, thị trấn và Bệnh viện PHCN Sầm Sơn:

Tổ chức các điểm tiêm chủng cố định tại Trung tâm Y tế và các Trạm Y tế để tiêm chủng theo từng cụm xã, phường, thị trấn. Số điểm tiêm chủng, các cụm tiêm chủng và nhân lực tiêm chủng do Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố bố trí phù hợp, thuận tiện cho cán bộ y tế đến tiêm chủng.

* Đợt 3: Tiêm chủng tại các bệnh viện tuyến huyện, khu vực, bệnh viện Trung ương trên địa bàn:

Tổ chức điểm tiêm chủng tại các bệnh viện do Trung tâm Y tế phối hợp với bệnh viện trên địa bàn lập kế hoạch, bố trí, sắp xếp điểm tiêm chủng, tổ chức tiêm chủng đảm bảo các quy định về tiêm chủng.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG TRỌNG TÂM

3.1. Điều tra đối tượng và lập kế hoạch tiêm chủng

- Các đơn vị tuyến tỉnh trên địa bàn thành phố Thanh Hóa phối hợp với cơ quan y tế được phân công tiêm chủng tại **Phụ lục 2**, kế hoạch này; Các đơn vị còn lại phối hợp với Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn rà soát, lập danh sách đối tượng tiêm chủng theo từng bàn tiêm, thời gian tiêm cụ thể; xây dựng kế hoạch chi tiết tổ chức tiêm chủng đảm bảo duy trì hoạt động thường xuyên của đơn vị trong quá trình tổ chức tiêm chủng tiêm chủng;

- Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố là đầu mối tổng hợp đối tượng tiêm chủng trên địa bàn gửi về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh để có kế hoạch cung ứng vắc xin, vật tư tiêm chủng. (Các đơn vị tuyến tỉnh trên địa bàn thành phố Thanh Hóa gửi trực tiếp về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh);

- Thời gian thực hiện: Hoàn thành trước ngày 30/7/2020.

3.2. Truyền thông, tập huấn và mời đối tượng đi tiêm chủng

- Các đơn vị tổ chức tuyên truyền về đối tượng, mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng, lợi ích, tính an toàn và hiệu quả phòng bệnh cúm của vắc xin IVACFLU-S cũng như các phản ứng có thể gặp phải sau tiêm chủng. Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền: Tuyên truyền trong các cuộc họp, giao ban khoa phòng, đơn vị để công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị hưởng ứng và tham gia tiêm chủng với tỷ lệ cao;

- Gửi giấy mời hoặc thông báo kế hoạch, thời gian và địa điểm tiêm chủng cụ thể đến từng công chức, viên chức, người lao động trong đơn vị, tối thiểu 02 ngày trước ngày tổ chức tiêm chủng;

- Các đơn vị chủ động rà soát, tổ chức tập huấn cho các cán bộ thực hiện tiêm chủng về đảm bảo an toàn tiêm chủng, công tác phòng, chẩn đoán và xử trí phản vệ theo Thông tư số 51/2017/TT-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ Y tế; công tác khám sàng lọc và chỉ định tiêm chủng theo Quyết định số 2470/QĐ-BYT ngày 14/6/2019 của Bộ Y về khám sàng lọc trước tiêm chủng đối với trẻ em. Đảm bảo tất cả các cán bộ tham gia tiêm chủng được tập huấn và thực hiện đúng các quy định về an toàn tiêm chủng.

3.3. Tiếp nhận, vận chuyển, bảo quản, sử dụng vắc xin

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh tiếp nhận vắc xin từ Chương trình Tiêm chủng mở rộng Quốc gia, bảo quản trong dây chuyền lạnh và lập kế hoạch phân bổ cho Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố. Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố tiếp nhận vắc xin từ Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh và phân bổ cho các điểm tiêm chủng;

- Các đơn vị bố trí đầy đủ thiết bị hệ thống dây chuyền lạnh trong quá trình tiếp nhận, vận chuyển và bảo quản vắc xin. Tại mỗi điểm tiêm chủng căn cứ trên số lượng và nhu cầu vắc xin thực tế cần bố trí đủ tủ lạnh, hòm lạnh, phích vắc xin, bình tích lạnh, đá lạnh (trong trường hợp cần thiết) và có ít nhất nhiệt kế theo dõi nhiệt độ vắc xin tại mỗi điểm tiêm chủng. Đảm bảo nhiệt độ bảo quản vắc xin từ +2 đến +8⁰C trong suốt quá trình vận chuyển, bảo quản và sử dụng vắc xin;

- Sử dụng vắc xin đúng đối tượng, đúng chỉ định và các hướng dẫn khác của nhà sản xuất Không tiêm vắc xin IVACFLU-S cho những người đã tiêm vắc xin phòng bệnh cúm mùa trong vòng 28 ngày trước khi tiêm. Vắc xin còn chưa sử dụng sau mỗi buổi tiêm chủng cần được bảo quản trong hệ thống dây chuyền lạnh theo đúng quy định;

- Vỏ lọ vắc xin đã sử dụng, các lọ vắc xin hỏng do vỡ trong quá trình vận chuyển, bảo quản hoặc do ẩm ướt, bong tróc nhãn mác... thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 58/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên-Môi trường.

3.4. Tổ chức tiêm chủng và xử trí phản ứng sau tiêm chủng:

- Các điểm tiêm chủng được tổ chức bởi các cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng. Việc bố trí, sắp xếp, tổ chức các buổi tiêm chủng được thực hiện theo Nghị định 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016, Nghị định 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018, Thông tư số 34/2018/TT-BYT và các hướng dẫn khác của Bộ Y tế về hoạt động tiêm chủng;

- Trong những ngày tổ chức tiêm chủng, các huyện, thị xã, thành phố phải có phương án xử trí các phản ứng nặng sau tiêm chủng, bố trí các tổ đội cấp cứu với đầy đủ nhân lực, phương tiện, thuốc, trang thiết bị cấp cứu cơ bản, thông tin liên lạc... thường trực tại các khu vực phù hợp, đảm bảo dễ dàng nhanh chóng tiếp cận các điểm tiêm chủng khi có yêu cầu;

- Tại mỗi điểm tiêm chủng phải chuẩn bị đầy đủ các điều kiện theo dõi và xử trí phản ứng sau tiêm chủng, cấp cứu sóc phản vệ, sẵn sàng xử trí kịp thời các trường hợp phản ứng nặng sau tiêm chủng. Đảm bảo người được tiêm chủng được theo dõi ít nhất 30 phút sau tiêm tại điểm tiêm chủng.

3.5. Giám sát và thu thập thông tin về phản ứng sau tiêm chủng:

- Giám sát phản ứng sau tiêm chủng: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh cử cán bộ đầu mối thu thập thông tin phản ứng sau tiêm chủng. Tổ chức thu thập thông tin về phản ứng sau tiêm chủng qua thư điện tử, tổng hợp kết quả giám sát phản ứng sau tiêm chủng trong vòng 7 ngày sau khi kết thúc tiêm chủng;

- Thu thập thông tin về phản ứng sau tiêm chủng bằng điện thoại: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh lựa chọn ngẫu nhiên 2% tổng số nhân viên y tế được tiêm chủng để tiến hành thu thập thông tin về phản ứng sau tiêm chủng qua điện thoại. Cán bộ đầu mối giám sát chủ động phản ứng sau tiêm gọi điện cho nhân viên y tế được lựa chọn để thu thập số liệu trong vòng 7 ngày sau khi kết thúc tiêm chủng.

3.6. Thống kê báo cáo

Các cơ sở tiêm chủng, Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh thực hiện chế độ báo cáo như sau:

- Các cơ sở tiêm chủng thực hiện báo cáo hàng ngày về Trung tâm y tế các huyện, thị xã, thành phố trước 16h00 hàng ngày, theo mẫu.

(Phụ lục 3: Mẫu báo cáo tiêm chủng hàng ngày, kèm theo)

- Trung tâm y tế các huyện, thị xã, thành phố tổng hợp báo cáo Trung tâm Kiểm soát bệnh tật trước 17h00 hàng ngày, theo mẫu **Phụ lục 3**

- Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh tổng hợp báo cáo Sở Y tế và Dự án Tiêm chủng mở rộng khu vực qua thư điện tử trước 9h00 sáng ngày hôm sau theo mẫu.

(Phụ lục 4: Mẫu báo cáo tiêm chủng tuyến tỉnh, kèm theo)

- Trong thời gian 7 ngày sau khi kết thúc đợt tiêm chủng các đơn vị tổng hợp báo cáo về Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh theo mẫu.

(Phụ lục 5: Mẫu báo cáo tổng hợp, kèm theo)

- Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh tổng hợp báo cáo Sở Y tế, Dự án Tiêm chủng mở rộng khu vực trong thời gian 15 ngày sau khi kết thúc đợt tiêm chủng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.1. Các phòng, ban Sở Y tế

Phòng Nghiệp vụ Y chủ trì, phối hợp với các phòng, ban liên quan, tham mưu cho Giám đốc Sở Y tế xây dựng và triển khai kế hoạch tiêm chủng. Thực hiện theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện của các đơn vị. Báo cáo Giám đốc Sở tiến độ và kết quả tiêm chủng.

4.2. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh:

- Là đơn vị thường trực, tham mưu và triển khai thực hiện kế hoạch, hướng dẫn các đơn vị trong ngành xây dựng kế hoạch và tổ chức tiêm chủng đảm bảo an toàn, chất lượng, tiến độ tiêm chủng theo quy định của Bộ Y tế và các hướng dẫn của chương trình Tiêm chủng Quốc gia;

- Tham mưu cho Sở Y tế thành lập các đoàn kiểm tra, tổ chức kiểm tra, giám sát, chỉ đạo công tác chuẩn bị và triển khai kế hoạch tại các địa phương, đơn vị trong tỉnh;

- Tổ chức giám sát hỗ trợ, hướng dẫn lập kế hoạch, chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, kỹ thuật cho Trung tâm y tế các huyện, thị xã, thành phố trong công tác tập huấn, điều tra, lập danh sách đối tượng; tiếp nhận, vận chuyển, bảo quản, sử dụng vắc xin, vật tư tiêm chủng;

- Xây dựng các tin, bài truyền thông về bệnh Cúm, hiệu quả phòng bệnh của vắc xin phòng bệnh Cúm và phối hợp với các cơ quan báo chí, truyền thông tại Thanh Hóa thông tin, tuyên truyền về kế hoạch tiêm vắc xin cúm mùa cho nhân viên y tế trên các phương tiện truyền thông;

- Là đầu mối phối hợp tiếp nhận, vận chuyển, bảo quản vắc xin, các vật tư tiêm chủng khác (nếu có) từ dự án Tiêm chủng Quốc gia, tiêm chủng khu vực. Căn cứ trên nhu cầu thực tế của các đơn vị để xây dựng kế hoạch cung ứng vắc xin cho các Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố;

- Tổng hợp và báo cáo kết quả tiêm chủng cho Sở Y tế, Chương trình Tiêm chủng mở rộng Quốc gia, Bộ Y tế theo quy định;

- Trực tiếp tổ chức tiêm chủng cho các đơn vị tuyến tỉnh trên địa bàn Thành phố Thanh Hóa được phân công theo **(Phụ lục 2)** kế hoạch này.

4.3. Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố

- Là đầu mối phối hợp với BVĐK các huyện, thị xã, thành phố, khu vực xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện tiêm chủng cho cán bộ y tế trên địa bàn;

- Hướng dẫn về chuyên môn, kỹ thuật cho các đơn vị trên địa bàn trong việc đảm bảo các quy định về thực hành tiêm chủng an toàn, đặc biệt là các thiết bị dây chuyền lạnh trong bảo quản vắc xin;

- Thực hiện kiểm tra, giám sát, hỗ trợ các đơn vị trên địa bàn trong lập kế hoạch và tổ chức thực hiện tiêm chủng;

- Làm đầu mối tiếp nhận, vận chuyển, bảo quản vắc xin từ Trung tâm kiểm soát bệnh tật và căn cứ trên nhu cầu thực tế của các đơn vị trên địa bàn quản lý để xây dựng kế hoạch cung ứng vắc xin cho các đơn vị;

- Phối hợp với BVĐK các huyện, thị xã, thành phố, khu vực xây dựng phương án xử trí các phản ứng nặng sau tiêm chủng, bố trí các tổ đội cấp cứu với đầy đủ nhân lực, phương tiện, thuốc, trang thiết bị cấp cứu cơ bản, thông tin liên lạc... thường trực tại các khu vực phù hợp, đảm bảo dễ dàng nhanh chóng tiếp cận các điểm tiêm chủng khi có yêu cầu;

- Tổ chức kiểm tra, giám sát công tác tổ chức tiêm chủng trên địa bàn, đảm bảo tại mỗi điểm tiêm chủng phải chuẩn bị đầy đủ các điều kiện theo dõi và xử trí phản ứng sau tiêm chủng, cấp cứu sốc phản vệ, sẵn sàng xử trí kịp thời các trường hợp phản ứng nặng sau tiêm chủng;

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo nhanh; báo cáo kết quả thực hiện theo quy định;

- Riêng Trung tâm Y tế thành phố Thanh Hóa và Trung tâm Y tế thành phố Sầm Sơn trực tiếp tổ chức tiêm chủng cho các đơn vị tuyển tỉnh trên địa bàn Thành phố Thanh Hóa và Thành phố Sầm Sơn, được phân công theo (**Phụ lục 2**) kế hoạch này.

4.4. Bệnh viện đa khoa các huyện, thị xã, thành phố, khu vực

- Chủ động phối hợp với Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn để xây dựng kế hoạch và triển khai tiêm chủng cho công chức, viên chức, người lao động tại đơn vị. Bố trí các điểm tiêm chủng tại đơn vị, đảm bảo đủ các điều kiện nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị, kinh phí và các điều kiện cần thiết khác cho công tác tiêm chủng.

Yêu cầu đơn vị tổ chức tiêm chủng phải là đơn vị đã công bố đủ điều kiện tiêm chủng; cán bộ trực tiếp thực hiện tiêm chủng phải là người đã được tập huấn các quy định về tiêm chủng.

- Chủ trì phối hợp với Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn xây dựng phương án xử trí các phản ứng nặng sau tiêm chủng, bố trí các tổ đội cấp cứu với đầy đủ nhân lực, phương tiện, thuốc, trang thiết bị cấp cứu cơ bản, thông tin liên lạc... thường trực tại các khu vực phù hợp, đảm bảo dễ dàng nhanh chóng tiếp cận các điểm tiêm chủng khi có yêu cầu. Đồng thời củng cố các đội cấp cứu ngoại viện thường trực tại bệnh viện sẵn sàng hỗ trợ xử trí khi có tình huống xảy ra.

4.5. Các đơn vị y tế tuyển tỉnh trên địa bàn thành phố Thanh Hóa và các đơn vị y tế khác

- Chủ động phối hợp với Trung tâm Kiểm soát bệnh tật hoặc Trung tâm Y tế thành phố Thanh Hóa theo sự phân công tại **Phụ lục 2**, kế hoạch này để xây dựng kế hoạch và triển khai tiêm chủng cho công chức, viên chức, người lao động tại đơn vị. Bố trí các điểm tiêm chủng tại đơn vị, đảm bảo đủ các điều kiện nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị, kinh phí và các điều kiện cần thiết khác cho công tác tiêm chủng;

- Đơn vị tổ chức tiêm chủng là Trung tâm Kiểm soát bệnh tật hoặc Trung tâm Y tế thành phố Thanh Hóa; cán bộ trực tiếp thực hiện tiêm chủng phải là người đã được tập huấn các quy định về tiêm chủng.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí mua vắc xin do Chương trình hợp tác giới thiệu sử dụng vắc xin cúm (PIVI) và dự án Tiêm chủng Quốc gia chi trả.

- Việc tiếp nhận, vận chuyển, bảo quản vắc xin sử dụng hệ thống dây chuyền lạnh sẵn có trong chương trình tiêm chủng mở rộng tại các đơn vị.

- Các đơn vị được tiêm chủng đảm bảo kinh phí cho các hoạt động tập huấn, truyền thông, điều tra đối tượng, tổ chức điểm tiêm chủng, công tiêm, công khám sàng lọc, bơm kim tiêm, vật tư tiêu hao, và các chi phí khác để tiêm chủng vắc xin phòng cúm cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của đơn vị.

Trên đây là kế hoạch tiêm vắc xin phòng cúm mùa cho nhân viên y tế tỉnh Thanh Hóa năm 2020. Đề nghị các đơn vị căn cứ kế hoạch này và chức năng nhiệm vụ được giao để triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Dự án TCMR Quốc gia (báo cáo);
- Dự án TCMR miền Bắc (báo cáo);
- Các đơn vị y tế trong tỉnh (thực hiện) ;
- Lưu: VT, NVY.MDT (02).

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Bá Cẩn

PHỤ LỤC 1**DỰ KIẾN ĐỐI TƯỢNG TIÊM CHỦNG VÀ NHU CẦU VẮC XIN CÚM***(Kèm theo kế hoạch số /KH-SYT ngày /7/2020)*

| TT | Đơn vị | Số lượng nhân viên y tế | Số vaccin dự kiến | Ghi chú |
|-----------|---------------------------------|--------------------------------|--------------------------|----------------|
| 1 | Sở Y tế | 43 | 45 | |
| 2 | Chi cục An toàn thực phẩm | 16 | 17 | |
| 3 | Chi cục Dân số | 18 | 19 | |
| 4 | CDC Thanh Hóa | 217 | 228 | |
| 5 | Bệnh viện da liễu | 119 | 125 | |
| 6 | Bệnh viện mắt | 170 | 179 | |
| 7 | Bệnh viện nội tiết | 172 | 181 | |
| 8 | BV Tâm Thần | 248 | 260 | |
| 9 | TT kiểm nghiệm | 36 | 38 | |
| 10 | Giám định y khoa | 12 | 13 | |
| 11 | TT Pháp y | 11 | 12 | |
| 12 | Bv phục hồi chức năng Thanh Hóa | 99 | 104 | |
| 13 | Bệnh viện phụ sản Thanh Hóa | 714 | 750 | |
| 14 | Bệnh viện y dược cổ truyền | 207 | 217 | |
| 15 | BV Nhi Thanh Hóa | 768 | 806 | |
| 16 | Bệnh viện đa khoa tỉnh | 1,222 | 1,283 | |
| 17 | Bệnh viện Phổi Thanh Hóa | 209 | 219 | |
| 18 | Bệnh viện Ung bướu | 161 | 169 | |
| 19 | TTYT Như Xuân | 28 | 29 | |
| | Trạm y tế Như Xuân | 89 | 93 | |
| | Bệnh viện đa khoa Như Xuân | 145 | 152 | |
| 20 | TTYT thành phố Thanh Hóa | 174 | 183 | |
| | Bệnh viện Đa khoa TP Thanh Hóa | 231 | 243 | |
| | Các trạm Y tế phường, xã | 174 | 183 | |
| | Phòng Y tế Thành phố Thanh Hóa | 3 | 3 | |
| 21 | Bệnh viện Đa khoa Nga Sơn | 280 | 294 | |
| | TTYT Nga Sơn | 34 | 36 | |
| | Trạm y tế Nga Sơn | 95 | 100 | |

| | | | |
|----|----------------------------------|-----|-----|
| | Phòng y tế Nga Sơn | 1 | 1 |
| 22 | TTYT Triệu Sơn | 43 | 45 |
| | Phòng Y tế Triệu Sơn | 4 | 4 |
| | Bệnh viện đa khoa Triệu Sơn | 186 | 195 |
| | Trạm y tế xã Triệu Sơn | 150 | 158 |
| 23 | TTYT Ngọc Lặc | 40 | 42 |
| | Trạm y tế Ngọc Lặc | 112 | 118 |
| | Phòng y tế Ngọc Lặc | 2 | 2 |
| | Bệnh viện đa khoa Ngọc Lặc | 568 | 596 |
| 24 | Trạm Y tế Đông Sơn | 69 | 72 |
| | Bệnh viện đa khoa huyện Đông Sơn | 136 | 143 |
| | Phòng Y tế Đông Sơn | 1 | 1 |
| | TTYT Đông Sơn | 39 | 41 |
| 25 | Bệnh viện ĐK huyện Thạch Thành | 215 | 226 |
| | TTYT Thạch Thành | 49 | 51 |
| | Trạm Y tế Thạch Thành | 158 | 166 |
| | Phòng y tế Thạch thành | 2 | 2 |
| 26 | TTYT huyện Lang Chánh | 34 | 36 |
| | BVĐK huyện Lang Chánh | 98 | 103 |
| | Phòng Y tế huyện Lang Chánh | 1 | 1 |
| | Trạm Y tế Lang Chánh | 53 | 56 |
| 27 | TTYT Bá Thước | 42 | 44 |
| | Bệnh viện Đa khoa Bá Thước | 167 | 175 |
| | Trạm y tế Bá Thước | 117 | 123 |
| | Phòng y tế Bá Thước | 1 | 1 |
| 28 | TTYT Bim sơn | 37 | 39 |
| | Bệnh viện đa khoa Bim Sơn | 152 | 160 |
| | Phòng y tế Bim Sơn | 2 | 2 |
| | Trạm y tế Bim Sơn | 39 | 41 |
| 29 | TTYT Hoằng Hóa | 45 | 47 |
| | Phòng Y tế Hoằng Hóa | 1 | 1 |
| | Bệnh viện Đa khoa Hoằng Hóa | 261 | 274 |
| | Trạm y tế Hoằng Hóa | 195 | 205 |

| | | | |
|----|------------------------------------|-----|-----|
| 30 | TTYT huyện Thường Xuân | 32 | 34 |
| | Trạm y tế Thường Xuân | 93 | 98 |
| | Phòng y tế Thường Xuân | 1 | 1 |
| | Bệnh viện Đa khoa Thường Xuân | 163 | 171 |
| 31 | TTYT huyện Hậu Lộc | 45 | 47 |
| | Trạm y tế Hậu Lộc | 140 | 147 |
| | Bệnh viện đa khoa Hậu lộc | 250 | 263 |
| | Phòng y tế Hậu Lộc | 1 | 1 |
| 32 | TTYT Quan Hóa | 38 | 40 |
| | Trạm y tế Quan Hóa | 92 | 97 |
| | Bệnh viện đa khoa Quan Hóa | 78 | 82 |
| | Phòng y tế Quan Hóa | 1 | 1 |
| 33 | Bệnh viện đa khoa Quan Sơn | 68 | 71 |
| | TTYT Quan Sơn | 31 | 33 |
| | Trạm Y tế Quan Sơn | 66 | 69 |
| | Phòng Y tế Quan Sơn | 2 | 2 |
| 34 | TTYT Thọ Xuân | 41 | 43 |
| | Trạm y tế Thọ Xuân | 178 | 187 |
| | Bệnh viện đa khoa Thọ Xuân | 216 | 227 |
| | Phòng y tế Thọ Xuân | 2 | 2 |
| 35 | Phòng Y tế Yên Định | 2 | 2 |
| | TTYT Yên Định | 37 | 39 |
| | Bệnh Viện Đa khoa Yên Định | 136 | 143 |
| | Trạm Y tế Yên Định | 128 | 134 |
| 36 | Phòng y tế Tĩnh Gia | 4 | 4 |
| | Bệnh viện đa khoa khu vực Tĩnh Gia | 220 | 231 |
| | TTYT huyện Tĩnh Gia | 64 | 67 |
| | Trạm y tế xã, thị trấn Tĩnh Gia | 161 | 169 |
| 37 | BVĐK huyện Thiệu Hóa | 148 | 155 |
| | Phòng y tế Thiệu Hóa | 2 | 2 |
| | TTYT Thiệu Hóa | 43 | 45 |
| | Trạm y tế Thiệu Hóa | 106 | 111 |
| 38 | TTYT Mường Lát | 29 | 30 |

| | | | |
|----|-------------------------------|---------------|---------------|
| | Trạm y tế Mường Lát | 42 | 44 |
| | Bệnh viện đa khoa Mường Lát | 88 | 92 |
| 39 | Trạm y tế Nông Cống | 146 | 153 |
| | Bệnh viện đa khoa Nông Cống | 187 | 196 |
| | TTYT Nông Cống | 44 | 46 |
| | phòng y tế Nông Cống | 1 | 1 |
| 40 | Trạm y tế Như Thanh | 82 | 86 |
| | Bệnh viện đa khoa Như Thanh | 137 | 144 |
| | TTYT Như Thanh | 38 | 40 |
| | Phòng y tế Như Thanh | 1 | 1 |
| 41 | Trạm y tế Quảng Xương | 120 | 126 |
| | Bệnh viện đa khoa Quảng Xương | 243 | 255 |
| | TTYT Quảng Xương | 49 | 51 |
| | Phòng y tế Quảng Xương | 1 | 1 |
| 42 | Trạm y tế Sầm Sơn | 45 | 47 |
| | Bệnh viện đa khoa Sầm Sơn | 134 | 141 |
| | TTYT Sầm Sơn | 38 | 40 |
| | Phòng y tế Sầm Sơn | 1 | 1 |
| 43 | Trạm y tế Cẩm Thủy | 92 | 97 |
| | Bệnh viện đa khoa Cẩm Thủy | 206 | 216 |
| | TTYT Cẩm Thủy | 33 | 35 |
| | Phòng y tế Cẩm Thủy | 1 | 1 |
| 44 | Trạm y tế Hà Trung | 109 | 114 |
| | Bệnh viện đa khoa Hà Trung | 297 | 312 |
| | TTYT Hà Trung | 39 | 41 |
| | Phòng y tế Hà Trung | 2 | 2 |
| 45 | Trạm y tế Vĩnh Lộc | 76 | 80 |
| | Bệnh viện đa khoa Vĩnh Lộc | 182 | 191 |
| | TTYT Vĩnh Lộc | 36 | 38 |
| | Phòng y tế Vĩnh Lộc | 1 | 1 |
| | Tổng | 13,804 | 14,493 |

PHỤ LỤC 2**BỘ TRÍ ĐIỂM TIÊM CHỦNG***(Kèm theo kế hoạch số /KH-SYT ngày /7/2020)*

| TT | Đơn vị | Số lượng nhân viên y tế | Cơ sở thực hiện tiêm chủng | Ghi chú |
|-----------|---------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|----------------|
| 1 | Sở Y tế | 43 | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật | |
| 2 | Chi cục An toàn thực phẩm | 16 | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật | |
| 3 | Chi cục Dân số | 18 | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật | |
| 4 | Bệnh viện Phổi Thanh Hóa | 209 | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật | |
| 5 | Bệnh viện phụ sản Thanh Hóa | 714 | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật | |
| 6 | Bệnh viện đa khoa tỉnh | 1,222 | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật | |
| 7 | BV Nhi Thanh Hóa | 768 | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật | |
| 8 | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật | 217 | Trung tâm Kiểm soát bệnh tật | |
| 9 | Bệnh viện da liễu | 119 | TTYT Thành phố Thanh Hóa | |
| 10 | Bệnh viện mắt | 170 | TTYT Thành phố Thanh Hóa | |
| 11 | Bệnh viện nội tiết | 172 | TTYT Thành phố Thanh Hóa | |
| 12 | BV Tâm Thần | 248 | TTYT Thành phố Thanh Hóa | |
| 13 | Bệnh viện Ung bướu | 161 | TTYT Thành phố Thanh Hóa | |
| 14 | BVĐK Thành phố Thanh Hóa | 231 | TTYT Thành phố Thanh Hóa | |
| 15 | TTYT Thành phố Thanh Hóa | 174 | TTYT Thành phố Thanh Hóa | |
| 16 | TT kiểm nghiệm | 36 | TTYT Thành phố Thanh Hóa | |
| 17 | Giám định y khoa | 12 | TTYT Thành phố Thanh Hóa | |
| 18 | TT Pháp y | 11 | TTYT Thành phố Thanh Hóa | |
| 19 | Bệnh viện y dược cổ truyền | 207 | TTYT Thành phố Thanh Hóa | |
| 20 | BV Phục hồi chức năng Thanh Hóa | 99 | Trung tâm Y tế TP Sầm Sơn | |
| | Tổng | 4,847 | | |

Phụ lục 3

BÁO CÁO HÀNG NGÀY KẾT QUẢ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH TIÊM CHỦNG

VẮC XIN CÚM MÙA CHO NHÂN VIÊN Y TẾ

(Dành cho cơ sở thực hiện tiêm chủng báo cáo)

Tỉnh/TP.....Quận/huyện.....

Cơ sở tiêm chủng.....

Tổng số đối tượng đăng ký tiêm chủng:.....,

Tổng số NVYT tại đơn vị:.....

Ngày...../...../.....

KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG

| Tổng số mũi tiêm | | Số liệu vắc xin hủy | Số TH chống chỉ định ¹ | Số TH phản ứng thông thường ² | Số TH phản ứng nặng ³ |
|------------------|--------------|---------------------|-----------------------------------|--|----------------------------------|
| Đã đăng kí | Chưa đăng kí | | | | |
| | | | | | |

Ghi chú: Nếu 1 cơ sở tổ chức tiêm cho nhiều đơn vị thì sử dụng bảng dưới đây:

| Tên cơ sở y tế | Tổng số mũi tiêm | | Số liệu vắc xin hủy | Số TH chống chỉ định ¹ | Số TH phản ứng thông thường ² | Số TH phản ứng nặng ³ |
|----------------------|------------------|--------------|---------------------|-----------------------------------|--|----------------------------------|
| | Đã đăng kí | Chưa đăng kí | | | | |
| Cơ sở đăng kí tiêm 1 | | | | | | |
| Cơ sở đăng kí tiêm 2 | | | | | | |

¹Báo cáo trường hợp chống chỉ định

Số trường hợp chống chỉ định:.....

Lý do chính:.....

²Báo cáo cụ thể các trường hợp phản ứng thông thường

| Phản ứng thông thường | | | |
|--------------------------|-------------------------------|------------------------|------------------|
| Đơn vị | Sốt $\leq 39^{\circ}\text{C}$ | Sung, đau tại chỗ tiêm | Triệu chứng khác |
| Đơn vị đăng kí tiêm 1 | | | |
| Đơn vị đăng kí tiêm 2 | | | |

³Báo cáo trường hợp tai biến nặng sau tiêm chủng:

Liệt kê các trường hợp và mô tả ngắn gọn từng trường hợp

| STT | Đơn vị | Họ và tên | Ngày sinh | Mô tả (triệu chứng, diễn biến, cách xử trí, kết quả...) |
|-----|--------|-----------|-----------|---|
| | | | | |
| | | | | |

Từng trường hợp được báo cáo chi tiết theo phiếu điều tra biến nặng sau tiêm chủng tại thông tư 34/2018/TT – BYT ngày 12 tháng 11 năm 2018.

Người tổng hợp
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngàytháng.....năm 2020

Thủ trưởng cơ quan
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 4

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH TIÊM CHỦNG VẮC XIN CÚM MÙA CHO NHÂN VIÊN Y TẾ

(Dành cho tuyến tỉnh, thành phố và Viên VSDT, Pasteur)

Tỉnh, thành phố/ Viện.....

Từ ngày...../...../.....đến ngày...../...../.....

I. KẾT QUẢ

| Tên tỉnh/cơ sở y tế | Tổng số cán bộ y tế | Số cán bộ y tế đã đăng kí | Tổng số cán bộ y tế đã được tiêm chủng trong đợt này | | Số TH chống chỉ định | Số TH phản ứng thông thường | Số TH phản ứng nặng |
|---------------------|---------------------|---------------------------|--|--------------|----------------------|-----------------------------|---------------------|
| | | | Đã đăng kí | Chưa đăng kí | | | |
| Tỉnh/CSYT 1 | | | | | | | |
| Tỉnh/CSYT 2 | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| Tổng số | | | | | | | |

*Trường hợp cáo của TTKSBT tỉnh, thành phố thì ghi theo cơ sở y tế của tỉnh, thành phố mình. Trường hợp là báo cáo của Viện VSDT/Viện Pasteur thì ghi theo tỉnh, thành phố phụ trách.

Tỷ lệ tiêm chủng

Số NVYT đã tiêm chủng/ số lượng đăng kí:.....Tỷ lệ:.....%

Số NVYT đã tiêm chủng/ tổng số nhân viên:.....Tỷ lệ:.....%

¹Chống chỉ định:

Số trường hợp chống chỉ định trong đợt tiêm chủng:.....

Lý do chống chỉ định:.....

²Báo cáo trường hợp phản ứng thông thường sau tiêm chủng

| Phản ứng thông thường | | | |
|-----------------------|-------------------------------|------------------------|------------------|
| Tên tỉnh/ cơ sở y tế | Sốt $\leq 39^{\circ}\text{C}$ | Sưng, đau tại chỗ tiêm | Triệu chứng khác |

| | | | |
|--|--|--|--|
| | | | |
| | | | |

³Báo cáo trường hợp tai biến nặng sau tiêm chủng:

Số trường hợp tai biến xảy ra trong suốt đợt tiêm chủng: _____

Liệt kê các trường hợp và mô tả ngắn gọn từng trường hợp:

| STT | Đơn vị | Họ và tên | Ngày sinh | Mô tả (triệu chứng, diễn biến, cách xử trí, kết quả...) |
|-----|--------|-----------|-----------|---|
| | | | | |
| | | | | |

Từng trường hợp được báo cáo chi tiết theo phiếu điều tra biến nặng sau tiêm chủng tại thông tư 34/2018/TT – BYT ngày 12 tháng 11 năm 2018.

II.TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Số lượng các điểm tiêm chủng:.....
- Số lượng tủ lạnh đã sử dụng:.....
- Số lượng phích vắc xin đã sử dụng:.....
- Vật tư và vắc xin

III.GIÁM SÁT, THEO DÕI CỦA TUYẾT TỈNH, THÀNH PHỐ

Số lượt giám sát: Số cán bộ giám sát

Số điểm được giám sát:

Những vấn đề ảnh hưởng tới việc triển khai kế hoạch:

.....

Những vấn đề khác cần ghi nhận:

.....

Nhận xét của Đơn vị triển khai tiêm chủng:

.....

IV.ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN TIÊM CHỦNG VẮC XIN CÚM MÙA

.....

Người tổng hợp

Ngàytháng.....năm 2020
Thủ trưởng cơ quan

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 5

BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH TIÊM CHỦNG VẮC XIN CÚM MÙA CHO NHÂN VIÊN Y TẾ

(Dành cho cơ sở thực hiện tiêm chủng)

Tỉnh/TP.....

Cơ sở tiêm chủng.....

Từ ngày..... /...../..... đến ngày..... /...../.....

I. KẾT QUẢ

| Tên cơ sở y tế | Tổng số cán bộ y tế | Số cán bộ y tế đã đăng kí | Tổng số cán bộ y tế đã được tiêm chủng trong đợt này | | Số TH chống chỉ định | Số TH phản ứng thông thường | Số TH phản ứng nặng |
|----------------|---------------------|---------------------------|--|--------------|----------------------|-----------------------------|---------------------|
| | | | Đã đăng kí | Chưa đăng kí | | | |
| Trạm y | | | | | | | |
| TTKSBT | | | | | | | |
| ... | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| Tổng | | | | | | | |

* Cơ sở tiêm chủng nào không phân chia theo khoa, phòng thì chỉ điền tổng số lượng. Cơ sở tiêm chủng nào tổ chức tiêm chủng cho nhiều đơn vị khác thì điền tổng số lượng theo từng nơi.

Tỷ lệ tiêm chủng

Số NVYT đã tiêm chủng/ số lượng đăng kí :.....Tỷ lệ:%

Số NVYT đã tiêm chủng/ tổng số nhân viên:Tỷ lệ:%

1.Chống chỉ định

Số trường hợp chống chỉ định trong đợt tiêm chủng: _____

Lý do chống chỉ định:

.....
.....
.....

2. Báo cáo trường hợp phản ứng thông thường sau tiêm chủng

| | | | | | | | | |
|---|--|--|--|--|--|--|--|--|
| Chi phí quản lý, lập kế hoạch, giám sát | | | | | | | | |
| Chi phí truyền thông | | | | | | | | |
| Chi phí triển khai | | | | | | | | |
| Chi phí công tiêm | | | | | | | | |
| Chi phí vật tư tiêu hao | | | | | | | | |
| Chi phí giám sát sau tiêm chủng | | | | | | | | |
| Chi phí tập huấn cho các cán bộ triển khai tiêm chủng | | | | | | | | |
| Các nguồn chi khác (ghi cụ thể) | | | | | | | | |
| Tổng cộng: | | | | | | | | |

6. Nhân lực (Thông tin về số người trực tiếp tham gia triển khai hoạt động tiêm chủng tại đơn vị, theo từng mục công việc)

| Hạng mục hoạt động | CSYT 1 | | CSYT 2 | |
|---|--------------------|---------------------------------|--------------------|---------------------------------|
| | Số người của cơ sở | Số người từ cơ quan/đơn vị khác | Số người của cơ sở | Số người từ cơ quan/đơn vị khác |
| Số cán bộ lập kế hoạch, giám sát, báo cáo | | | | |
| Số cán bộ được tập huấn | | | | |
| Số cán bộ khám sàng lọc | | | | |
| Số cán bộ thực hiện tiêm chủng | | | | |
| Số cán bộ theo dõi sau tiêm chủng | | | | |
| | | | | |
| Tổng số | | | | |

III. GIÁM SÁT, THEO DÕI CỦA TUYỀN TỈNH, THÀNH PHỐ

Số lượt giám sát: Số cán bộ giám sát:

Số điểm được giám sát:

Những vấn đề ảnh hưởng tới việc triển khai kế hoạch:

.....
.....

Những vấn đề khác cần ghi nhận:

.....
.....
.....

Nhận xét của Đơn vị triển khai tiêm chủng:

.....
.....

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN TIÊM CHỦNG VẮC XIN CÚM MÙA

.....
.....
.....

Ngàythángnăm 2020

Người tổng hợp
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng cơ quan
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 5

(Sở Y tế)
(Đơn vị)

TỔNG HỢP BÁO CÁO SỬ DỤNG VẮC XIN CÚM MÙA CHO NHÂN VIÊN Y TẾ

| TT | Địa phương/ Đơn vị | Vắc xin Cúm mùa (Liều) | | Vật tư đã sử dụng | | Kết quả tiêm vắc xin Cúm mùa | | Số ca PUSTC | | | |
|-------------|-----------------------|------------------------|--|-------------------|-------------|--|--------------|--|------------------------|----------------------|------------------------------|
| | | Số nhận trong tháng | Số sử dụng (tính theo liều các lọ đã mở) | Hộp an toàn | Vật tư khác | Số đối tượng tiêm vắc xin cúm mùa trong tháng/..... | Số tiêm được | Phản ứng thông thường sau tiêm chủng (*) | | | Tai biến nặng sau tiêm chủng |
| | | | | | | | | Sốt <39°C | Sung, đau tại chỗ tiêm | Các triệu chứng khác | |
| 1 | TTYT | | | | | | | | | | |
| 2 | BVĐK | | | | | | | | | | |
| 3 | ... | | | | | | | | | | |
| 4 | | | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | | | |
| Cộng | | | | | | | | | | | |

(*) Tổng hợp số trường hợp phản ứng thông thường sau tiêm chủng.

Người lập báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm
Thủ trưởng cơ quan
(Ký tên, đóng dấu)